

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần						ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ			CHỮ		
				10%					30%	60%	100%			
					11									
1	2113710534	Nguyễn Ngọc Thanh An	N21DLK1	8	5	8			6.5	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám		
2	2112710533	Hồ Thị Vân Anh	N21DLK1	9	9.5	8			8.8	V	0.0	Không		
3	2113710567	Phan Văn Biên	N21DLK1	10	6.5	8			7.3	6.1	6.9	Sáu phẩy Chín		
4	2113710584	Vũ Tấn Đạt	N21DLK1	3	6	0			3.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,	
5	2112710581	Ngô Thị Ánh Dương	N21DLK1	8	6	8			7.0	V	0.0	Không		
6	2112710566	Nguyễn Thị Ngọc Hà	N21DLK1	6	7	8			7.5	V	0.0	Không		
7	2113710568	Nguyễn Việt Hải	N21DLK1	10	10	8			9.0	7.8	8.4	Tám phẩy Bốn		
8	2113710535	Đinh Việt Hùng	N21DLK1	8	7	8			7.5	7.4	7.5	Bảy phẩy Năm		
9	2112710554	Đào Thị Mỹ Linh	N21DLK1	7	6	9			7.5	7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn		
10	2112710543	Mai Thị Ái Linh	N21DLK1	2	0	8			4.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,	
11	2113710538	Lưu Văn Lợi	N21DLK1	10	7	8			7.5	6.7	7.3	Bảy phẩy Ba		
12	2112710569	Trần Triệu Ánh Luy	N21DLK1	6	7.5	8			7.8	6.4	6.8	Sáu phẩy Tám		
13	2112710527	Nguyễn Thị Lý	N21DLK1	10	6.5	9			7.8	7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy		
14	2112710540	Trần Thị Kiều Mi	N21DLK1	10	10	10			10.0	7.9	8.7	Tám phẩy Bảy		
15	2112710590	Vũ Hoàng Thảo My	N21DLK1	9	5.5	9			7.3	7.4	7.5	Bảy phẩy Năm		
16	2112710528	Lê Thị Diệu My	N21DLK1	6	5.5	8			6.8	5.6	6.0	Sáu		
17	2113210602	Nguyễn Đắc Nam	N21DLK1	6	5	9			7.0	V	0.0	Không		
18	2112710574	Lê Thị Hồng Nga	N21DLK1	10	6	8			7.0	7.4	7.5	Bảy phẩy Năm		
19	2113110501	Trần Trung Nghĩa	N21DLK1	9	8	8			8.0	8.2	8.2	Tám phẩy Hai		
20	2112710610	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	N21DLK1	8	8	10			9.0	7.3	7.9	Bảy phẩy Chín		
21	2112710530	Lý Thị Nhi	N21DLK1	10	7	9			8.0	9.7	9.2	Chín phẩy Hai		
22	2112710532	Nguyễn Thị Yến Nhi	N21DLK1	8	8.5	8			8.3	8.8	8.6	Tám phẩy Sáu		
23	2112710531	Nguyễn Thị Minh Nữ	N21DLK1	9	8.5	9			8.8	8.6	8.7	Tám phẩy Bảy		
24	2113710562	Phạm Sơn Nhật Quang	N21DLK1	10	7	8			7.5	7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy		
25	2112710544	Phan Như Quỳnh	N21DLK1	9	5	9			7.0	7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn		
26	2112710541	Nguyễn Đặng Ngọc Sương	N21DLK1	9	5	8			6.5	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm		
27	2113710597	Tôn Thát Tài	N21DLK1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,	
28	2112710583	Nguyễn Thị Bích Thảo	N21DLK1	9	8	7			7.5	6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
29	2112710623	Lê Mai Nguyệt Thảo	N21DLK1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,	
30	2113710559	Huỳnh Hoàng Thiện	N21DLK1	10	5.5	7			6.3	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
31	2112710578	Võ Thị Anh Thư	N21DLK1	9	8	8			8.0	7.6	7.9	Bảy phẩy Chín		
32	2112710553	Lê Thị Giao Thùy	N21DLK1	8	5	7			6.0	5.6	6.0	Sáu		
33	2112710600	Nguyễn Hồ Anh Thy	N21DLK1	10	10	8			9.0	7.9	8.4	Tám phẩy Bốn		
34	2112710586	Trần Thị Thủy Tiên	N21DLK1	10	10	10			10.0	8.4	9.0	Chín		
35	2113710537	Nguyễn Chánh Tín	N21DLK1	10	6	9			7.5	7.6	7.8	Bảy phẩy Tám		
36	2112710576	Đậu Thị Thu Trà	N21DLK1	10	7	8			7.5	7.9	8.0	Tám		
37	2112710551	Đỗ Nguyễn Thanh Tuyền	N21DLK1	8	7	7			7.0	7.9	7.6	Bảy phẩy Sáu		
38	2112710545	Huỳnh Thị Thanh Uyên	N21DLK1	8	7	8			7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba		
39	2112710585	Huỳnh Phạm Thu Uyên	N21DLK1	7	6	10			8.0	V	0.0	Không		

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	2113710558	Hoàng Quốc	Vững	N21DLK1	10	7	8			7.5	7.6	7.8	Bảy phẩy Tám	
41	2112710572	Đào Thị Thúy	Vy	N21DLK1	7	5	10			7.5	8.4	8.0	Tám	
42	2112710580	Lê Thị Trâm	Anh	N21DLK2	8	5.5	8			6.8	V	0.0	Không	
43	1913711410	Nguyễn Đình	Bá	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi
44	2113710607	Đoàn Đức Phương	Đông	N21DLK2	7	5	8			6.5	V	0.0	Không	
45	2113710588	Phan Hoài	Đức	N21DLK2	6	5	8			6.5	7.6	7.1	Bảy phẩy Một	
46	2113710587	Hồng Phương	Đức	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
47	2113710595	Mai Ngọc	Dũng	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
48	2113710536	Nguyễn Minh	Duy	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
49	2112710589	Võ Thị Mỹ	Hạnh	N21DLK2	9	10	8			9.0	7.6	8.2	Tám phẩy Hai	
50	2113710625	Tiêu Đình	Hòa	N21DLK2	5	5	7			6.0	6.3	6.1	Sáu phẩy Một	
51	2113710608	Dương Ngọc	Hoàng	N21DLK2	8	6	8			7.0	9.1	8.4	Tám phẩy Bốn	
52	2113710618	Ông Huy	Hoàng	N21DLK2	6	8	7			7.5	6.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
53	2113710605	Võ Tiến	Hưng	N21DLK2	0	0	8			4.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
54	2113710619	Lê Bá	Khang	N21DLK2	6	5.5	7			6.3	6.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
55	2113710542	Nguyễn Duy	Khánh	N21DLK2	9	5	8			6.5	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
56	2113710529	Huỳnh Đình	King	N21DLK2	6	5	7			6.0	7.6	7.0	Bảy	
57	2113710555	Nguyễn Hùng	Kỳ	N21DLK2	10	8	8			8.0	7.1	7.7	Bảy phẩy Bảy	
58	2112710550	Võ Thị Như	Lai	N21DLK2	10	10	9			9.5	7.0	8.1	Tám phẩy Một	
59	2113710582	Nguyễn Hoàng	Lâm	N21DLK2	7	8	9			8.5	7.6	7.8	Bảy phẩy Tám	
60	2113710579	Ngô Lê Bảo	Linh	N21DLK2	8	8	9			8.5	9.1	8.8	Tám phẩy Tám	
61	2113710561	Trần Đại	Lĩnh	N21DLK2	10	10	9			9.5	5.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
62	2113710620	Nguyễn Nho	Luân	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
63	2112710609	Đặng Hương Hương	Ly	N21DLK2	6	6	7			6.5	8.8	7.8	Bảy phẩy Tám	
64	2112710549	Võ Thị Như	Ly	N21DLK2	10	10	9			9.5	7.3	8.2	Tám phẩy Hai	
65	2113710606	Võ Tấn	Minh	N21DLK2	10	7.5	8			7.8	8.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
66	2112710621	Lương Nguyễn Bảo	Nguyên	N21DLK2	8	6	8			7.0	5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
67	2112710611	Đỗ Thị Yến	Nhi	N21DLK2	7	6	8			7.0	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
68	2113710577	Nguyễn Hoàng	Phúc	N21DLK2	7	6	8			7.0	8.2	7.7	Bảy phẩy Bảy	
69	2113710565	Nguyễn Ngọc	Quang	N21DLK2	10	10	10			10.0	6.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
70	2112710573	Lê Thị Ka	Ru	N21DLK2	10	10	10			10.0	7.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
71	2113710598	Lê Bá	Thái	N21DLK2	9	7	8			7.5	6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
72	2113710622	Võ Quang	Thái	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
73	2112710575	Trần Thị	Thảo	N21DLK2	9	5.5	9			7.3	7.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
74	2113710591	Nguyễn Văn	Thịnh	N21DLK2	7	9.5	8			8.8	8.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
75	2112710599	Lê Đoàn Kim	Thịnh	N21DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
76	2112710571	Phạm Uyên	Thúy	N21DLK2	9	9	9			9.0	7.3	8.0	Tám	
77	2113710547	Trần Phước	Tiến	N21DLK2	10	10	10			10.0	7.9	8.7	Tám phẩy Bảy	
78	2113710557	Ngô	Tiến	N21DLK2	7	9	8			8.5	7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
79	2112710548	Đinh Thị Thùy	Trang	N21DLK2	10	10	9			9.5	9.1	9.3	Chín phẩy Ba	
80	2112710560	Nguyễn Thị Thùy	Trang	N21DLK2	10	10	9			9.5	9.1	9.3	Chín phẩy Ba	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
81	2113710556	Nguyễn Chí Trung	N21DLK2	9	6.5	8			7.3	5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
82	2112710593	Lê Thị Kim Tuyền	N21DLK2	9	7	8			7.5	8.2	8.1	Tám phẩy Một	
83	2112710624	Phạm Lê Nhã Uyên	N21DLK2	7	5	8			6.5	V	0.0	Không	
84	2112710546	Trần Thị Hồng Vĩ	N21DLK2	7	8	8			8.0	7.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
85	2113710539	Đỗ Huy Hùng Việt	N21DLK2	0	5	0			2.5	CT	0.0	Không	Cấm thi,
86	2113710564	Phan Minh Vũ	N21DLK2	6	5.5	7			6.3	5.6	5.9	Năm phẩy Chín	
1	1913711452	Trần Duy Khoa	N19DLK	6	5	7			6.0	6.8	6.5	Sáu phẩy Năm	24575
2	1913711527	Phạm Nguyễn Minh Trí	N20DLK	6	5	7			6.0	5.7	5.8	Năm phẩy Tám	23958

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	67	76%	
2	Số sinh viên nợ	21	24%	
TỔNG CỘNG :		88	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2016
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân